

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VIỆT YÊN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26 /2021/DS-ST

Ngày 24 / 11/ 2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Văn Hợp.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Thân Văn Nhân.

2. Ông Giáp Huy Tường.

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Chu Thị Minh Nguyệt- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thu Hà- Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 24 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2021/TLST- DS ngày 15 tháng 4 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2021/QĐST-DS ngày 29/10/2021, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Bà Giáp Thị T, sinh năm 1966 – Có mặt.

Địa chỉ: Số nhà ..., Ngõ ..., đường L, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963 – vắng mặt.

Bà Thân Thị H, sinh năm 1966. vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn xin khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thể hiện nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Giáp Thị T trình bày: Bà T và vợ chồng ông T, bà H có mối quan hệ quen biết. Ngày 26/01/2019 bà T có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Thân Thị H vay 120.000.000 đồng, khi vay có viết biên nhận do ông T và bà H ký, thời hạn vay tính từ ngày 26/01/2019 đến ngày 31/12/2019 thì ông T và bà H phải trả số tiền trên cho bà T. Tuy nhiên đến thời hạn trả tiền ông T và bà H không trả bà T mặc dù bà T đòi rất nhiều lần. Nay bà T yêu cầu ông T và bà H phải trả nợ gốc 120.000.000đồng, tiền lãi trong hạn 13.019.000đồng, lãi quá hạn 8.160.000đồng tính đến ngày 13/5/2021. Tổng cộng cả gốc và lãi là 141.179.000đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Thân Thị H, Tòa án đã triệu tập nhiều lần và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông T và bà H không đến tòa án làm việc và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa nguyên đơn là bà Giáp Thị T yêu cầu ông T, bà H phải trả số tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ông T, bà H vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn không tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị HĐXX:

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 357, khoản 2 Điều 468- Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí, xử:

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Thân Thị H phải có nghĩa vụ trả cho bà Giáp Thị T số tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng, số tiền lãi là 22.675.600 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 142.675.600 đồng. Ông T và bà H phải chịu án phí DSST, bà T không phải chịu án phí DSST, trả lại bà T tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về thủ tục tố tụng:*

- *Về đương sự vắng mặt tại phiên tòa:* Bị đơn là ông Nguyễn Văn T và bà Thân Thị H đã được Tòa án triệu tập và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Xét về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ông Nguyễn Văn T và bà Thân Thị H là bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Căn cứ giấy vay tiền ngày 26/01/2019 ông Nguyễn Văn T và bà Thân Thị H có vay của bà Giáp Thị T số tiền 120.000.000 đồng, thời gian trả dần từ ngày 26/01/2019 đến ngày 31/12/2019 nhưng ông T và bà H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả tiền cho bà T nên bà T đã khởi kiện đến Tòa án, đây là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại Điều 463- Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26- Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về nội dung*: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu do phía nguyên đơn cung cấp, ngày 26/01/2019 ông Nguyễn Văn T và bà Thân Thị H có vay của bà Giáp Thị T số tiền 120.000.000đồng và có viết giấy vay tiền do ông T và bà H ký nhận, trong giấy vay tiền không thể hiện lãi suất mà chỉ thể hiện thời gian vay ngày 26/01/2019 và thời hạn trả ngày 31/12/2019. Sau khi đến hạn thanh toán bà T đã đòi nhiều lần nhưng ông T và bà H không trả tiền cho bà T. Nay bà T yêu cầu ông T và bà H phải trả số tiền 120.000.000đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T, bà H đến làm việc nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải giữa các đương sự được. Căn cứ giấy vay tiền do ông T và bà H ký xác nhận thì hiện nay ông T, bà H còn nợ bà T số tiền 120.000.000đồng. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của bà T có căn cứ chấp nhận và buộc ông Nguyễn Văn T và bà Thân Thị H phải có nghĩa vụ trả cho bà Giáp Thị T 120.000.000đồng là có căn cứ pháp luật.

Về lãi suất: Tại phiên tòa bà Giáp Thị T yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Thân Thị H phải trả tiền lãi suất theo quy định của pháp luật. HĐXX xét thấy tại giấy vay tiền các bên không có thỏa thuận về lãi suất mà chỉ có thỏa thuận về thời gian trả nợ vào ngày 31/12/2019, tại Điều 463 – Bộ luật dân sự quy định: “.....bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”. Như vậy căn cứ giấy vay tiền thì giữa bà T, ông T và bà H không có sự thỏa thuận về lãi suất nên không có căn cứ tính lãi suất trong hạn từ ngày 26/01/2019 đến ngày 31/12/2019 cho bà T được, mà chỉ có căn cứ xác định ông T và bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 01/01/2020. Do các bên không thỏa thuận về lãi suất nên cần áp dụng Điều 357, khoản 2 Điều 468 – BLDS để buộc ông Nguyễn Văn T và bà Thân Thị H phải trả lãi suất chậm trả tiền cho bà Giáp Thị T kể từ ngày 01/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án ngày 24/11/2021 là phù hợp pháp luật. Cụ thể:  $120.000.000\text{đồng} \times 10\%/1\text{ năm (tương đương } 0,83\%/1\text{ tháng)} \times 22\text{ tháng } 23\text{ ngày} = 22.675.600\text{ đồng}$ .

Như vậy tổng số tiền ông Nguyễn Văn T và bà Thân Thị H phải có nghĩa vụ trả bà Giáp Thị T là:  $120.000.000\text{ đồng} + 22.675.600\text{ đồng} = 142.675.600\text{ đồng}$ .

[3] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của bà Giáp Thị T được chấp nhận nên không phải chịu án phí, cần hoàn trả lại bà T tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông Nguyễn Văn T và bà Thân Thị H phải chịu án phí là:  $142.675.600\text{ đồng} \times 5\% = 7.133.780\text{ đồng}$ .

Căn cứ vào những nhận định trên, đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 357, khoản 2 Điều 468- Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Giáp Thị T.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Thân Thị H phải có nghĩa vụ trả cho bà Giáp Thị T số tiền nợ gốc 120.000.000đồng và 22.675.600 đồng tiền lãi. Tổng cộng cả gốc và lãi là: 120.000.000đồng + 22.675.600 đồng = 142.675.600đồng (*Một trăm bốn mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T và bà Thân Thị H phải chịu 7.133.780 đồng (*Bảy triệu một trăm ba ba nghìn bảy trăm tám mươi đồng*) tiền án phí DSST.

Hoàn trả bà Giáp Thị T số tiền 3.400.000 đồng ( *Ba triệu bốn trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/ 0000401 ngày 15/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- CCTHADS huyện Việt Yên;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đã ký**

**Vũ Văn Hợp**







